

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/8/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Trọng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 19...; địa chỉ tại số nhà 2649/7, tổ 2, ấp Phú Tân, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Danh Thanh T, sinh năm 19...; nơi cư trú tại số nhà 2082, tổ 1, ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 02/4/2019 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Năm 2007 vợ chồng các đương sự đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến đầu năm 2018 phát sinh các mâu thuẫn vợ chồng do ông Tùng không lao động để có thu nhập giúp đỡ các thành viên trong gia đình mà thường uống rượu mỗi ngày rồi đánh vợ, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nên không còn sống chung từ đầu năm 2018 đến nay;

Vợ chồng có 01 người con là Danh T, sinh ngày 22/11/2008 (đang cư trú, sinh sống với nguyên đơn) bị đơn đồng ý để nguyên đơn tiếp tục nuôi con; đối với nợ chung không có, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không còn tình nghĩa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn và là người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

** Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn trình bày ý kiến:*

Bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật;

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, thời điểm này mẹ của bị đơn bị bệnh tai biến, mọi việc trong gia đình do vợ làm. Bị đơn có uống rượu và có những lời nói không đúng với vợ dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên bà Liễu đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ, đồng ý để bà Liễu tiếp tục nuôi con.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn tuân thủ quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ: Các Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Danh Thanh T; giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng (bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con). Về tài sản chung, tài sản riêng trách nhiệm thanh toán nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, khi có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Về án phí: Nguyễn Thị Bích L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và được nuôi con là quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2007, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được coi là hôn nhân hợp pháp.

Qua ý kiến trình bày của các đương sự và tài liệu xác minh của Tòa án là chứng cứ chứng minh: Các đương sự sống chung có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, các đương sự không còn sống chung từ đầu năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ trong quan hệ vợ và chồng, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, đòi sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Con của các đương sự là Danh T đã sinh sống, cư trú ổn định với bà L đến nay. Bị đơn có ý kiến thống nhất là nguyên đơn là người trực tiếp nuôi con. Khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, giải quyết giao con là Danh T cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không có tranh chấp không khởi kiện. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này. Đối với quan hệ dân sự khác có liên quan đến trách nhiệm của bà L và ông T khi có yêu cầu khởi kiện sẽ được Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ ((ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ly hôn và được nuôi con là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích L

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với ông Danh Thanh T

- Về trách nhiệm của các đương sự đối với con chưa thành niên:

Bà Nguyễn Thị Bích L là người trực tiếp nuôi con đối với D T, sinh ngày 22/11/20... (Bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con);

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung của các đương sự không có khởi kiện Tòa án không thụ lý giải quyết. Đối với quan hệ dân sự khác có liên quan đến trách nhiệm của bà và ông T khi có đơn khởi kiện thì Tòa án thụ lý giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006290 ngày 17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính